

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRÒ CHƠI TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHE, NÓI, ĐỌC, VIẾT CHO HỌC SINH

• Lê Sao Mai^(*)

Tóm tắt

Vui chơi là hoạt động không thể thiếu được của con người ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là ở lứa tuổi tiểu học. Hoạt động vui chơi có chủ đích sẽ mang lại những hiệu quả thiết thực hỗ trợ cho việc học nói chung và cụ thể ở đây là học môn Tiếng Việt nói riêng. Bài viết trình bày những khái niệm cơ bản về năng lực ngôn ngữ và năng lực tiếng Việt; đưa ra các nguyên tắc và quy trình sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Việc sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt đã tạo điều kiện dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, giúp thực hiện dạy học tích hợp và phát huy tính tích cực trong học tập của học sinh.

Từ khoá: Tiếng Việt, năng lực ngôn ngữ, tiểu học, trò chơi dạy học.

1. Đặt vấn đề

Vui chơi là hoạt động không thể thiếu được của con người ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là ở lứa tuổi tiểu học. Vui chơi không chỉ giúp các em được vận động, rèn luyện các giác quan mà thông qua đó còn giúp các em rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo... Việc học tiếng bắt đầu từ lứa tuổi mầm non với hai kỹ năng chủ đạo là nghe và nói. Đến lứa tuổi tiểu học, hai kỹ năng còn lại là đọc và viết được chính thức hoá. Vì vậy, lúc này, việc tổ chức trò chơi chính là môi trường thuận lợi nhất để các em dần hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp bao gồm: nghe, nói, đọc, viết. Điều này chứng tỏ hoạt động vui chơi có chủ đích sẽ mang lại những hiệu quả thiết thực hỗ trợ cho việc học nói chung và cụ thể ở đây là môn Tiếng Việt nói riêng.

Tiếng Việt là môn học có vai trò đặc biệt quan trọng ở bậc tiểu học, là phương tiện chủ yếu để học sinh (HS) tiếp thu kiến thức của các môn học khác. Môn Tiếng Việt ở tiểu học có nhiệm vụ hình thành năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học, thể hiện ở bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Bài viết đưa ra những phân tích về tính hiệu quả của việc sử dụng trò chơi nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học và giới thiệu một số trò chơi để giáo viên (GV) có thể áp dụng vào việc giảng dạy tiếng Việt cho HS tiểu học.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khái niệm chung về năng lực và năng lực ngôn ngữ

2.1.1. Khái niệm năng lực

Ở góc độ tâm lý học: Năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả.

Ở góc độ giáo dục học: Năng lực là một hệ thống các cấu trúc tinh thần bên trong và khả năng huy động các kiến thức, kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và thái độ, cảm xúc, giá trị, đạo đức, động lực của một người để thực hiện thành công các hoạt động trong một bối cảnh cụ thể.

Phân loại năng lực là một vấn đề phức tạp, phụ thuộc vào quan điểm và tiêu chí phân loại. Nhìn vào chương trình thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực của các nước, có thể thấy năng lực được phân thành 2 loại chính: năng lực chung (general competence) và năng lực chuyên biệt (subject-specific competencies).

- Năng lực chung là năng lực cơ bản, thiết yếu giúp cá nhân có thể sống, làm việc và tham gia hiệu quả trong nhiều hoạt động và các bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội, như năng lực nhận thức, năng lực trí tuệ, năng lực về ngôn ngữ và tính toán; năng lực giao tiếp, năng lực vận động... Các năng lực này được hình thành và trải nghiệm trong cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của nhiều loại hình hoạt động khác nhau.

Năng lực này được hình thành và phát triển do nhiều môn học, liên quan đến nhiều môn học

^(*) Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

và không chỉ các môn học mà còn ở các hoạt động giáo dục khác (nhà trường, gia đình, đoàn thể, xã hội). Ví thế, có nước gọi là năng lực xuyên chương trình (Cross-curricular competencies).

- Năng lực chuyên biệt là những năng lực được hình thành và phát triển trên cơ sở các năng lực chung theo hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho những hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu cao và sâu hơn của một môn học/hoạt động nào đó.

Sự phân biệt giữa năng lực chung và năng lực chuyên biệt là cần thiết, tuy nhiên giữa hai loại năng lực này có mối quan hệ chặt chẽ và góp phần bổ sung cho nhau. Chẳng hạn, giao tiếp là năng lực chung, nhưng khi đi sâu vào giao tiếp ngôn ngữ nếu các kĩ năng đọc, viết, nghe, nói (môn Tiếng Việt - Văn học) được yêu cầu ở một mức độ nào đó thì nó lại trở thành năng lực chuyên biệt. Ví dụ như năng lực đọc và đọc diễn cảm.

2.1.2. Khái niệm năng lực ngôn ngữ

Theo tác giả Đinh Quang Báo [1], khi xác định các nhóm năng lực cần hình thành và phát triển ở HS phổ thông, đã chia năng lực thành hai nhóm: các năng lực chung và các năng lực chuyên biệt. Các năng lực chung gồm: nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân (năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực tự quản lí); nhóm năng lực về quan hệ xã hội (năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác) và nhóm năng lực công cụ (năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán).

Như vậy, năng lực sử dụng ngôn ngữ (hay cụ thể là năng lực tiếng Việt - để phân biệt với năng lực sử dụng ngoại ngữ) thuộc nhóm năng lực công cụ.

Ở đây, việc phân biệt năng lực sử dụng ngôn ngữ với năng lực giao tiếp như hai nhóm năng lực khác nhau là cần thiết. Song, cũng cần nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ, qua lại giữa hai năng lực này. Một mặt, ngôn ngữ - tiếng Việt là một trong những phương tiện quan trọng nhất để thực hiện giao tiếp. Nhưng mặt khác, hiệu quả giao tiếp lại phụ thuộc vào năng lực tiếng Việt. Vì vậy, muốn hình thành và phát triển năng lực giao tiếp phải hình thành và phát triển năng lực tiếng Việt. Ngược lại, việc hình thành và phát triển năng lực tiếng Việt không thể

thực hiện được nếu đặt tiếng Việt ngoài tư cách là phương tiện giao tiếp.

2.1.3. Năng lực tiếng Việt

Đề cập đến các kết quả đầu ra cần đạt về năng lực chung của các cấp học, đối với năng lực sử dụng ngôn ngữ, tác giả Đinh Quang Báo [1] xác định như sau ở bậc tiểu học:

a) Nghe hiểu trong giao tiếp thông thường và các chủ đề quen thuộc; nói rõ ràng và mạch lạc, kể các câu chuyện ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc; đọc lưu loát và đúng ngữ điệu, đọc hiểu bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc; viết được bài văn ngắn về các chủ đề quen thuộc, điền được thông tin vào các mẫu văn bản đơn giản.

b) Phát âm đúng các từ; hiểu những từ thông dụng và có số lượng từ vựng cần thiết cho giao tiếp hàng ngày; biết sử dụng các loại câu giao tiếp chủ yếu như: câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, các câu đơn, câu phức trong trường hợp cần thiết.

Để có thể hình thành năng lực tiếng Việt cho HS như một năng lực chung, theo Đỗ Việt Hùng [2], phân chia năng lực chung thành các năng lực cấu thành có quan hệ hữu cơ với nhau. Đỗ Việt Hùng đề xuất phân chia năng lực tiếng Việt thành các năng lực cấu thành có thể dựa theo các tiêu chí sau:

- Theo tiêu chí các kĩ năng sản sinh và tiếp nhận, ta có các năng lực cụ thể của tiếng Việt: năng lực nói, năng lực nghe, năng lực đọc và năng lực viết. Đây là 4 năng lực bộ phận cấu thành năng lực tiếng Việt.

Để hình thành và phát triển tốt 4 năng lực bộ phận này, cần hình thành cho HS năng lực nhận thức về các quy tắc ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ (gọi tắt là năng lực nhận thức) như: dùng từ, đặt câu, phong cách ngôn ngữ, các biện pháp tu từ... Kế đến là nhận thức văn hoá giao tiếp - nhận thức về các điều kiện sử dụng các đơn vị ngôn ngữ trong thực tiễn. Nếu nhóm nội dung thứ nhất giúp HS có thể sử dụng từ, đặt câu đúng với ngữ pháp của tiếng Việt thì nhóm nội dung thứ hai sẽ giúp HS sử dụng các câu được đặt ra phù hợp với tình huống giao tiếp, giúp cho giao tiếp đạt được hiệu quả cao.

Về cơ bản, có thể hình dung về năng lực tiếng Việt như sau:

NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT			
NĂNG LỰC NHẬN THỨC (NHẬN THỨC NGÔN NGỮ VÀ NHẬN THỨC VĂN HOÁ)			
Năng lực nói	Năng lực nghe	Năng lực đọc	Năng lực viết

Mỗi năng lực bộ phận lại được chia tiếp tục thành các năng lực cụ thể theo các mức độ từ đơn giản đến phức tạp, trong đó có những năng lực có thể rèn luyện độc lập nhưng cũng có những năng lực phải rèn luyện tổng hợp. Việc rèn luyện năng lực cũng cần được chú ý đến sự khác nhau của đối tượng HS - đặc điểm dân tộc, điều kiện địa lí - xã hội, văn hoá, kinh tế...

2.2. Sử dụng phương pháp trò chơi trong dạy học Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học

2.2.1. Nguyên tắc thiết kế trò chơi

Khi sử dụng phương pháp trò chơi, GV cần lựa chọn hoặc tự thiết kế trò chơi đảm bảo những yêu cầu sau:

- Đảm bảo mục tiêu môn học: Mục đích của trò chơi phải thể hiện được mục tiêu của bài học hoặc chương trình. Cụ thể như về kiến thức: chương nào, bài nào, mục nào. Về mức độ: kiến thức đó ở mức độ nào: nhận biết, phân tích hay vận dụng, sáng tạo. Tuy nhiên, GV cũng có thể linh hoạt trong việc xác định mục tiêu môn học để thiết kế trò chơi như mục tiêu củng cố kiến thức cho cả một chương, hay mở rộng vốn từ Hán-Việt, mở rộng kiến thức văn học dân gian nói chung cho HS...

- Đảm bảo tính khoa học:

- + Hình thức chơi đa dạng giúp HS được thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, giúp HS phối hợp các hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động. Đặc biệt, ở môn Tiếng Việt cần lưu ý dạy tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp.

- + Luật chơi phải logic, chặt chẽ nhưng đơn giản để HS dễ nhớ và dễ thực hiện. Cần đưa ra những cách chơi có nhiều HS tham gia để tăng hiệu quả rèn luyện năng lực ngôn ngữ, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng hợp tác giải quyết vấn đề...

- + Dụng cụ chơi đơn giản, dễ tìm và không gây nguy hiểm cho HS. Nếu có sử dụng công nghệ (sử dụng máy chiếu, máy vi tính) thì cần chuẩn bị trước, tránh mất thời gian gây chờ đợi, mất hứng thú cho HS.

- + Tổ chức trò chơi vào thời gian phù hợp của

bài học để làm tăng hứng thú cho HS học tập (đầu giờ) hoặc để củng cố, mở rộng kiến thức (cuối giờ), hoặc trong các giờ chơi, trong các buổi ngoại khoá tiếng Việt... nhằm giúp HS tiếp thu nội dung bài học hoặc ôn tập kiến thức một cách hiệu quả mà không ảnh hưởng đến lịch trình giảng dạy.

- Đảm bảo tính sư phạm:

- + Cần đưa ra những quy tắc trước khi sử dụng phương pháp trò chơi vào dạy học nhằm giúp HS hiểu hoạt động chơi cũng là hoạt động học để tham gia nghiêm túc và tích cực.

- + Nội dung chơi cần mang tính sư phạm, văn hoá, cần vận dụng quan điểm tích hợp vào tổ chức nội dung chơi để mở rộng kiến thức các môn học khác và kiến thức về văn hoá, tự nhiên, xã hội cho HS.

- + Người quản trò (thường là GV) cần công bằng, chính xác và minh bạch trong khi thực hiện luật chơi để HS hào hứng thi đua và hoạt động chơi được diễn ra tích cực.

2.2.2. Quy trình thực hiện

Bước 1. Lựa chọn trò chơi

Việc đầu tiên khi sử dụng trò chơi dạy học môn Tiếng Việt là GV phải lựa chọn trò chơi làm sao cho phù hợp với lứa tuổi (khối lớp), trình độ HS, hoàn cảnh, nội dung kiến thức, đặc điểm của bài dạy, thời gian tiến hành.

Sau khi đã lựa chọn được trò chơi, GV cần chuẩn bị đầy đủ những phương tiện để tiến hành trò chơi, kể cả phần thưởng cho người chơi (nếu có).

Bước 2. Giới thiệu và giải thích trò chơi

Có nhiều cách để GV giới thiệu trò chơi sao cho hấp dẫn, lôi cuốn nhưng cũng cần ngắn gọn, dễ hiểu để HS dễ tiếp thu và nhớ, tuy nhiên, dùng cách nào cũng cần đảm bảo đầy đủ các nội dung sau:

- Giới thiệu tên trò chơi.

- Nêu mục đích và yêu cầu của trò chơi.

- Nêu cách chơi, luật chơi, phần thưởng cho người chơi/đội chơi thắng cuộc.

Bước 3. Tổ chức trò chơi

GV tiến hành tổ chức trò chơi, chọn trọng tài (có thể GV đảm nhận hoặc chọn HS). Tuỳ theo mức độ khó của trò chơi hoặc trò chơi đã từng chơi rồi hay chưa, GV có thể làm mẫu hoặc cho một, hai HS chơi nháp.

Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả trò chơi

Sau mỗi lần tổ chức trò chơi, GV cần nhận

xét, đánh giá kết quả trò chơi:

- GV nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

- Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.

- GV nêu lại hoặc mở rộng những kiến thức được đề cập đến trong trò chơi.

- Một số HS nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

Việc tổ chức trò chơi dạy học nói chung và trò chơi dạy học môn Tiếng Việt nói riêng thành công và mang lại hiệu quả giáo dục phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Các bước tiến hành trên đây là những bước cơ bản nhất, nhưng trong thực tế giảng dạy, GV cần linh hoạt lên giáo án cho mỗi trò chơi tùy thuộc vào đối tượng HS và hoàn cảnh dạy học cụ thể. Việc chuẩn bị cho mỗi trò chơi của GV càng kỹ lưỡng sẽ làm cho kết quả của việc tổ chức trò chơi cho HS càng mang lại hiệu quả cao.

2.2.3. Tính hiệu quả

Bản chất của phương pháp sử dụng trò chơi học tập là dạy học thông qua việc tổ chức các hoạt động cho HS. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS được hoạt động bằng cách tự chơi trò chơi trong đó mục đích của trò chơi, chuyển tải mục tiêu của bài học. Trò chơi ngôn ngữ là hình thức vừa học vừa chơi, được sử dụng linh hoạt không chỉ trong thời gian trên lớp mà còn có thể tổ chức trong các giờ ra chơi, giờ học thêm, trong các ngày lễ của nhà trường...

Sử dụng phương pháp trò chơi giúp thực hiện dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp. Việc hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ cụ thể: nghe, nói, đọc, viết không thể không gắn với những nội dung giao tiếp hằng ngày trong đời sống cũng như trong học tập. Việc tổ chức các hoạt động chơi cũng là một hình thức giao tiếp có chủ đích, thông qua đó các em sử dụng tiếng Việt trong cả quá trình chơi và quá trình tiếp nhận nội dung học tập của trò chơi. Thay vì chỉ học tiếng Việt bằng lý thuyết, trong sách vở, đến với trò chơi các em được rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong khi giao tiếp để thực hiện hoạt động chơi.

Sử dụng phương pháp trò chơi giúp thực hiện được dạy học tích hợp trong dạy học môn Tiếng Việt. Việc lựa chọn các nội dung để rèn luyện các kỹ năng tiếng Việt có ý nghĩa quan trọng trong việc

tích hợp môn Tiếng Việt với những môn học khác như: Giáo dục đạo đức, Giáo dục công dân, tăng cường những hiểu biết về lịch sử, địa lí, kinh tế - xã hội... của đất nước.

Sử dụng phương pháp trò chơi trong dạy học Tiếng Việt giúp HS hứng thú với môn học và phát huy tính tích cực trong học tập. Tâm lí lứa tuổi tiểu học phù hợp với hình thức học mà chơi, chơi mà học. Vì vậy, việc sử dụng trò chơi trong dạy học Tiếng Việt tạo không khí vui tươi, thi đua, đặc biệt là gắn liền việc thực hành kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho HS.

2.3. Minh họa một số trò chơi trong dạy học Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS

2.3.1. Trò chơi Tập đọc: Chiếc hộp bí ẩn. Tùy theo nội dung bài học, GV có thể soạn các câu hỏi trong trò chơi cho phù hợp.

a. Mục đích: Dùng khi dạy phần tìm hiểu bài, củng cố bài học hay ôn tập; giúp HS rèn kỹ năng đọc và nói; tư duy ngôn ngữ nhanh nhạy và mạnh dạn, tự tin trước đám đông.

b. Chuẩn bị: Hộp bằng giấy, có thể trang trí màu sắc bắt mắt, có nắp mở ra đóng lại được; cắt các mảnh giấy hình chữ nhật để ghi các câu hỏi.

c. Cách chơi: GV nêu luật chơi: Cô có một chiếc hộp, trong hộp có một số câu hỏi, khi cô bắt bài hát thì các bạn vừa hát vừa chuyền tay nhau chiếc hộp cho đến khi cô ngừng bài hát đoạn nào thì bạn đang cầm chiếc hộp sẽ phải bốc 1 câu hỏi trong hộp, đọc lên và trả lời. Bạn nào trả lời đúng sẽ được cả lớp thưởng một tràng pháo tay. Nếu bạn trả lời sai, các bạn khác có quyền xung phong.

Lưu ý: Trong các câu hỏi đặt ra, ngoài nội dung trong bài tập đọc, GV nên đặt thêm các câu hỏi mở đối với HS liên quan đến nội dung bài học.

Ví dụ bài tập đọc: *Điều ước của vua Mi-đát* (Tiếng Việt 4, tuần 9)

Các câu hỏi trong chiếc hộp như sau: (Mỗi câu hỏi có thể viết vào 2 mảnh giấy để nhiều bạn trả lời, câu hỏi mở có thể viết lên 3, 4 mảnh giấy) (1) Vua Mi-đát xin thần Đi-ô-ni-đốt điều gì?; (2) Điều ước của nhà vua biến thành hiện thực ra sao?; (3) Vì sao vua Mi-đát xin thần lấy lại điều ước?; (4) Ý chính của bài tập đọc "Điều ước của vua Mi-đát" là gì?; (5) Nếu thần Đi-ô-ni-đốt cho em một điều ước, em sẽ ước gì? Tại sao?; (6) Nếu

em là vua Mi-đát em sẽ xin thần Đi-ô-ni-đốt điều ước gì? Tại sao? (7) Đặt 1 câu với từ “phép màu”.

d. Tổng kết: GV tuyên dương những bạn trả lời đúng, lưu loát; GV nêu lại ý chính của bài và kiến thức mở rộng liên hệ.

2.3.2. Trò chơi Tập làm văn: Thi viết tiếp sức đoạn văn

a. Mục đích: Dùng khi dạy phần luyện tập, củng cố, tiết ôn tập; giúp HS luyện tập viết các câu diễn đạt từng ý nhỏ trong đoạn văn kể hoặc tả đơn giản (phục vụ cho các bài học có nội dung kể hoặc tả ngắn trong Tiếng Việt 2 - Tập hai).

b. Chuẩn bị: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 HS; chia bảng đen thành 2 phần. Phần bên trái ghi yêu cầu của trò chơi: Viết tiếp sức một đoạn văn 5-7 câu nói về đề tài... Phần phải của bảng ghi các câu hỏi gợi ý cho đoạn văn; giấy khổ to, bút dạ.

Ví dụ: *Thi viết tiếp sức đoạn văn miêu tả loài chim em yêu thích* (Tiếng Việt 2, tuần 22)

GV chia bảng đen thành 2 phần. Phần bên trái ghi yêu cầu của trò chơi: Viết tiếp sức một đoạn văn 5-7 câu nói về một con vật em yêu thích. Phần phải của bảng ghi 4 câu hỏi gợi ý: (1) Tên loài chim, nơi chúng sống; (2) Hình dáng và màu lông có gì đẹp?; (3) Chim thường ăn gì?; (4) Chim thường làm gì? Có ích gì?

c. Cách chơi: Từng nhóm HS thảo luận câu trả lời cho từng câu hỏi gợi ý để viết vào giấy khổ to của nhóm. Sau 5 phút các nhóm ngừng chơi, treo kết quả nhóm lên các bức tường của lớp. Từng nhóm đọc to đoạn văn đã viết. GV hướng dẫn cả lớp bình từng đoạn văn và phân tích, sửa lỗi sai. Hai nhóm có đoạn văn hay nhất sẽ được tuyên dương và được cả lớp vỗ tay khen thưởng.

d. Tổng kết: GV nhận xét về phần chơi, tuyên dương các nhóm và các cá nhân tích cực; GV nhận xét chung về các đoạn văn, các lỗi HS còn mắc phải; GV liên hệ, mở rộng kiến thức có trong đoạn văn phù hợp cho HS.

2.3.3. Trò chơi Luyện từ và câu: Cùng đi du lịch. *Bài Thủ đô các quốc gia Đông Nam Á* (Tiếng Việt 5, tuần 26)

a. Mục đích: Dùng khi dạy phần tìm hiểu bài, luyện tập, củng cố, dạy tiết ôn tập; giúp HS viết đúng và nhận biết được cách viết hoa tên riêng tiếng nước ngoài, tên các nước và thành phố trên thế giới.

b. Chuẩn bị: Chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 HS; giấy khổ to, chia làm hai cột, cột thứ nhất để ghi tên nước, cột thứ hai để ghi tên thủ đô. Một trong hai cột này để trống cho HS tự điền vào. Thứ tự tên nước và tên thủ đô ghi trong các tờ giấy của mỗi đội chơi khác nhau.

c. Cách chơi: Trong từng nhóm, HS thảo luận để lựa chọn đúng tên nước với tên thủ đô hoặc tên thủ đô đúng với tên nước và điền vào từng chỗ trống trong giấy. Sau 3 phút, các nhóm ngừng chơi và treo kết quả lên bảng. Mỗi tên viết đúng được 1 bông hoa. Nhóm có nhiều bông hoa nhất là nhóm thắng trò chơi.

c. Tổng kết: GV nhận xét phần chơi và tuyên dương các nhóm làm đúng; GV sửa những từ sai và liên hệ mở rộng kiến thức phù hợp cho HS; GV mở rộng kiến thức giới thiệu một vài hình ảnh về thủ đô các nước hoặc các biểu tượng văn hoá như trang phục, con vật, ẩm thực... cho HS (chiếu lên màn hình).

2.3.4. Trò chơi Luyện từ và câu: Đoán từ bí ẩn.

a. Mục đích: Dùng khi dạy làm bài tập, luyện tập hoặc củng cố bài dạy; giúp HS giải nghĩa từ, liên hệ dùng từ trong văn cảnh một cách nhanh chóng.

b. Chuẩn bị: Chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Mỗi lượt chơi chọn hai bạn trong nhóm bất kỳ, lần lượt cho đến nhóm cuối cùng; dụng cụ chơi là các tấm bìa màu được cắt theo hình tròn, vuông, trái tim... Trên các tấm bìa ghi các từ được chọn để đoán.

c. Cách chơi: Lần lượt mỗi nhóm cử 2 bạn đại diện lên tham gia trò chơi. Trong hai HS, chỉ có một HS cầm và nhìn thấy các từ được ghi trong tấm bìa, HS còn lại không biết đó là những từ gì. Nhiệm vụ của HS nhìn thấy từ là phải giải thích như thế nào để HS kia đoán ra từ mà không được nhắc đến từ đó. Đội nào tìm được đúng nhiều từ hơn sẽ là đội thắng cuộc.

Lưu ý: hướng dẫn HS có thể giải thích bằng cách định nghĩa từ; sử dụng những từ đồng nghĩa, trái nghĩa; sử dụng các câu ca dao, tục ngữ có chứa từ để gợi ý (khi đọc để trống chỗ có từ cần tìm)... Ví dụ: Đoán từ “đẹp” bằng cách đọc câu tục ngữ “Cái nét đánh chết cái...” để HS đoán. Hoặc đoán từ “ngon” bằng cách hỏi từ nào trái nghĩa với từ “dở”...

d. Tổng kết: GV tổng kết lại những từ vừa đoán được, và giải nghĩa hoặc mở rộng nghĩa cho những từ khó; HS tự ghi những từ mới tìm được vào vở; có thể yêu cầu HS đặt câu với một vài từ mới để khắc sâu thêm nghĩa của từ.

2.3.5. Trò chơi Luyện từ và câu: Đối mặt tìm nhanh từ trái nghĩa.

a. Mục đích: Dùng khi dạy phần làm bài tập, luyện tập hoặc củng cố bài; giúp HS nhớ nghĩa của từ, hệ thống hoá vốn từ và mở rộng vốn từ; rèn khả năng phán đoán tư duy ngôn ngữ nhanh nhạy; rèn khả năng tự tin, mạnh dạn trước đám đông.

b. Chuẩn bị: Mỗi lượt chơi có 5 bạn chơi và 5 bạn làm thư kí ghi những từ đúng lên bảng.

c. Cách chơi: GV yêu cầu các bạn HS tham gia chơi sẽ chia thành 2 đội đứng đối diện nhau. Đội thứ nhất sẽ đưa ra một từ và yêu cầu đội bạn đưa ra từ trái nghĩa. Sau đó, đổi phiên. Cứ như vậy đến kết thúc, đội nào tìm đúng được nhiều từ hơn là đội thắng cuộc. GV yêu cầu 3 bạn HS lên làm thư kí ghi lại các từ đúng, cuối phần chơi GV kiểm tra bạn nào ghi đúng chính tả nhất sẽ được tuyên dương.

d. Tổng kết: GV nhận xét trò chơi, tuyên dương những bạn chơi tích cực; GV nhắc lại thế nào là từ trái nghĩa. GV giải nghĩa và giúp HS tìm những từ trái nghĩa khó.

2.3.6. Trò chơi Tập đọc: Hái hoa luyện đọc

a. Mục đích: Dùng khi dạy phần tìm hiểu bài, luyện tập hoặc củng cố bài học, tiết ôn tập; giúp HS luyện kĩ năng đọc lưu loát, diễn cảm. Rèn khả năng tự tin, mạnh dạn trước đám đông.

b. Chuẩn bị: Những bông hoa bằng giấy màu, một cành cây khô. Gắn những bông hoa này lên cành cây. Hoặc có thể gắn những bông hoa lên trên bảng...; mỗi bông hoa gắn với một mảnh giấy được gấp lại, trong đó có một đoạn bài tập đọc hoặc một bài tập đọc bất kỳ.

c. Cách chơi: Các bạn trong lớp lần lượt xung phong lên hái hoa. HS hái bông hoa nào sẽ đọc to và diễn cảm đoạn bài đọc được gắn trong bông hoa đó; GV nhận xét phần đọc của các bạn, mời HS nhận xét. HS đọc đúng, diễn cảm sẽ được cả lớp vỗ tay khen thưởng.

d. Tổng kết: GV tổng kết lại phần chơi, tuyên dương những bạn đọc trôi chảy, diễn cảm; GV nêu lại ý chính của các bài tập đọc.

2.3.7. Trò chơi Luyện từ và câu: Tìm bạn (chủ

đề có thể thay thế linh hoạt tùy theo nội dung chơi).

a. Mục đích: Trò chơi giúp kiểm tra kiến thức tổng hợp của HS.

b. Chuẩn bị: Chia làm hai đội chơi, mỗi đội chọn một bạn đội trưởng; GV làm trọng tài. Chọn 2 bạn HS khá làm thư kí.

c. Cách chơi: Lần lượt mỗi đội sẽ hội ý và đọc một câu ca dao, tục ngữ nói về tình cảm gia đình, bạn bè. Hai đội bốc thăm để chọn đội nào chơi trước. Các đội không được lặp lại câu của đội bạn. Cứ như vậy cho đến lúc một đội không tìm được đáp án sẽ bị xử thua. Mỗi đội chỉ được trả lời trong thời gian 5 giây. Các bạn trong đội ai có đáp án thì xung phong đại diện trả lời. Hai bạn thư kí ghi các câu trả lời lên bảng.

d. Tổng kết: GV tổng kết lại phần chơi, tuyên dương đội thắng cuộc. GV nhận xét phần viết chính tả của các bạn thư kí (kiểm tra chính tả). GV giải thích những câu ca dao, tục ngữ HS mới tìm được mà chưa nắm được nghĩa.

2.3.8. Một số trò chơi thiết kế từ các mô hình trò chơi truyền hình: GV có thể linh hoạt sử dụng một số mô hình trò chơi truyền hình phổ biến để thiết kế lại thành trò chơi ngôn ngữ phục vụ dạy học Tiếng Việt. Ví dụ như: trò chơi ô chữ, trò chơi đuổi hình bắt chữ, trò chơi đối mặt... Với các loại trò chơi này, GV cần chuẩn bị sẵn nội dung chơi bằng Powerpoint, chuẩn bị máy tính và máy chiếu. Ưu điểm của những trò chơi này là có kết hợp với công nghệ thông tin nên thường hấp dẫn, có hình ảnh sinh động. Tuy nhiên khâu chuẩn bị công phu, tốn thời gian chơi và phải có HS phụ giúp với GV.

3. Kết luận

Việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ, mà cụ thể là 4 kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết cho HS không thể không gắn với những nội dung giao tiếp hằng ngày trong đời sống cũng như trong học tập. Việc lựa chọn các nội dung để rèn luyện các kĩ năng tiếng Việt còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tích hợp môn Tiếng Việt với những môn học khác như: Giáo dục đạo đức, Giáo dục công dân, tăng cường những hiểu biết về lịch sử, địa lí, kinh tế - xã hội... của đất nước.

Sử dụng phương pháp trò chơi trong dạy học Tiếng Việt vừa hướng tới định hướng dạy tiếng Việt theo hướng hình thành và phát triển năng lực, cũng

vừa tạo điều kiện để thực hiện tích hợp trong dạy học. Việc thiết kế và tổ chức trò chơi trong dạy học tiếng Việt nếu được thực hiện hợp lý và khoa học sẽ góp phần đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt nói chung và góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học nói riêng./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đinh Quang Báo (2013), *Mục tiêu và chuẩn trong Chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015* (Dự thảo), Tài liệu sử dụng nội bộ.
- [2]. Đỗ Việt Hùng, *Dạy - học tiếng Việt trong nhà trường theo hướng phát triển năng lực*, nguavan.hnue.edu.vn, cập nhật ngày 11/12/2014.
- [3]. Lê Phương Nga (chủ biên) (2013), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1,2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Xavier Roegiers (1996), *Khoa học sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

USING GAME METHOD IN TEACHING VIETNAMESE IN PRIMARY SCHOOL TO DEVELOP LISTENING, SPEAKING, READING, WRITING COMPETENCE FOR PUPILS

Summary

Entertainment is indispensable to people of all ages, especially at primary school age. Goal-directed entertainments will bring practical effects for learning in general and learning the Vietnamese language in particular. The article presents basic concepts of linguistic and Vietnamese competence; suggesting rules and procedures for game use in teaching Vietnamese to develop pupils' linguistic competence. The game use in teaching Vietnamese has made the teaching of Vietnamese communicative, helping integrative instruction and activating pupils in learning.

Keywords: Vietnamese, language ability, primary school, instructional game.

Ngày nhận bài: 2/11/2015; Ngày nhận lại: 30/12/2015; Ngày duyệt đăng: 2/2/2016.